

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Hình thức kiểm tra	TRẮC NGHIỆM	
	DẠNG THỨC 1 Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	DẠNG THỨC 2 Trắc nghiệm Đúng - Sai
Câu	24	4
Điểm	6.0	4.0
Tỉ lệ %	100	

B. NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM ÔN TẬP

NỘI DUNG 1: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Bối cảnh lịch sử

a. Trên thế giới

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết.
- Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện → điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.

b. Trong nước

- Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ.
- Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- Từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.
- Từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.

2. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

a. Nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945

* Nguyên nhân chủ quan

- Dân tộc Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, truyền thống đấu tranh bất khuất.
- Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng của Đảng và toàn dân.

* Nguyên nhân khách quan

- Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tạo thời cơ chín muồi để nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền.

b. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

** Đối với Việt Nam*

- Đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế hơn 1000 năm ở Việt Nam, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân làm chủ đất nước, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.
- Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, tạo ra những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

** Đối với thế giới*

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai và cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

c. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
- Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
- Bài học về nắm bắt thời cơ.

NỘI DUNG 2: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Trên thế giới

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.
- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động mạnh đến tình hình Việt Nam.

b. Ở Việt Nam

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời thực sự đã trở thành nước tự do và độc lập, và quyết tâm bảo vệ quyền tự do và độc lập ấy.
- Cách mạng Việt Nam đứng trước những thử thách to lớn: quân đội các nước Đồng minh lần lượt kéo vào Việt Nam; các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng.
- Chính quyền cách mạng còn non trẻ, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược.

2. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ (1945 - 1946)

- Đêm 22 rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp đánh úp vào trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ Thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, Nam Bộ nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược.
- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi cả nước ủng hộ kháng chiến của nhân dân Nam Bộ, thành lập các đoàn quân "Nam tiến".
- Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

b. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950)

** Kháng chiến toàn quốc bùng nổ*

- Ngày 28-2-1946, thực dân Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Pháp - Hoa.
- Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với Pháp *Hiệp định Sơ bộ*, tỏ thiện chí hòa bình, nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại những điều khoản đã kí kết.

- Ngày 18-12-1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu. Trước tình hình đó, ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

→ Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, với đường lối kháng chiến: "*toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế*".

* *Những thắng lợi quân sự tiêu biểu trong những năm 1946 -1950*

Những thắng lợi quân sự tiêu biểu	Nội dung chính
<i>Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16</i>	- Diễn ra ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 như Nam Định, Vinh, Nghệ An, Huế...đặc biệt là ở Hà Nội trong 60 ngày đêm (từ ngày 19-12-1946 đến ngày 17-2-1947). - Lực lượng tự vệ thực hiện "trong đánh ngoài vây", bước đầu làm phá sản kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp, tạo điều kiện cho các cơ quan đầu não của ta rút lên chiến khu xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài.
<i>Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947</i>	- Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12-1947, khi quân Pháp mở cuộc tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của ta. - Quân và dân Việt Nam chủ động phản công, bẻ gãy các cuộc tiến công của Pháp, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, bảo vệ vững chắc căn cứ địa Việt Bắc.
<i>Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950</i>	- Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra những điều kiện mới cho cuộc kháng chiến. - Diễn ra từ ngày 16-9 đến ngày 22-10-1950 ở khu vực biên giới Việt - Trung (Đường số 4). Quân dân Việt Nam lần đầu tiên chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc. - Kết quả, quân ta đã giải phóng một vùng rộng lớn dọc biên giới Việt - Trung, chọc thủng hành lang Đông-Tây, làm phá sản kế hoạch Rơ-ve, Quân đội Việt Nam giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

c. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951- 1953)

* *Về chính trị*

- Tháng 02-1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp tại chiến khu Việt Bắc và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam.
- Tháng 03-1951, Mặt trận Liên Việt ra đời sau khi hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
- Ngày 11-03-1951, Liên minh nhân dân Việt - Miên- Lào được thành lập

* *Về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.*

- Nền kinh tế kháng chiến được xây dựng, đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống của nhân dân
- Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển.
- Các phong trào Thi đua yêu nước được phát động.

** Về quân sự*

- Quân đội Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch trên chiến trường chính Bắc Bộ để mở rộng vùng giải phóng.

d. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 - 1954)

** Kế hoạch Na-va của thực dân Pháp*

- Tháng 7-1953, được sự viện trợ của Mĩ, thực dân Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng trong 18 tháng sẽ giành một thắng lợi quân sự quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

- Kế hoạch Na-va chia thành hai bước:

+ Bước thứ nhất (từ thu - đông 1953 đến xuân 1954): giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương...

+ Bước thứ hai (từ thu - đông 1954): chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho Pháp.

** Chủ trương hành động của ta*

- Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đề ra phương hướng chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là " *tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai; đồng thời, buộc Pháp phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà Pháp không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của Pháp*"

- Quân đội Việt Nam mở cuộc tiến công quân Pháp ở Lai Châu (12-1953) buộc pháp tập trung quân xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh. Liên quân Lào-Việt tiến công quân Pháp ở Trung Lào (12-1953), ở Thượng Lào (1-1954). Tháng 2-1954, quân đội Việt Nam tiến công Pháp ở Bắc Tây Nguyên...bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va.

- Đầu tháng 12-1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua ba đợt tiến công (từ ngày 13-3 đến 7-5-1954) chiến dịch Điện Biên Phủ đã giành được thắng lợi.

** Ý nghĩa lịch sử*

- Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí *Hiệp định Giơ-ne-vơ* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (21-7-1954).

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

a. Nguyên nhân thắng lợi

** Nguyên nhân chủ quan*

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương (từ 1951 là Đảng Lao động Việt Nam), đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối lãnh đạo, đúng đắn, sáng tạo.

- Truyền thống yêu nước của nhân dân ta; toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.

- Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

** Nguyên nhân khách quan*

- Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Sự đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.
- Sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và các lực lượng dân tộc dân chủ trên thế giới.

b. Ý nghĩa lịch sử

*** Đối với Việt Nam**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam, bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

*** Đối với thế giới**

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

NỘI DUNG 3: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

a. Bối cảnh thế giới

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học-kỹ thuật.
- Phong trào giải phóng dân tộc ngày càng phát triển mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi, khu vực Mĩ Latinh.
- Phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ dâng cao ở các nước tư bản
- Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp. Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, đẩy mạnh thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm làm bá chủ thế giới.

b. Bối cảnh trong nước

- Miền Bắc: hòa bình và đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Miền Nam: Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-

1945) a. Giai đoạn 1954 - 1960

Miền Bắc	- Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất trong những năm 1954 – 1956, thực hiện “Người cày có ruộng”. Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh được triển khai trong tất cả các ngành, lĩnh vực... - Từ năm 1958 đến năm 1960, miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội, tạo tiền đề cho quá trình phát triển trong giai đoạn tiếp theo, đưa miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước.
-----------------	--

Miền Nam	Trên mặt trận chính trị: - Từ sau <i>Hiệp định Giơ-ne-vơ</i>, nhân dân đấu tranh chính trị chống Mỹ – Diệm đòi thi hành hiệp định, đòi các quyền tự do dân chủ, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.	Trên mặt trận quân sự: - Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam (1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đứng lên khởi nghĩa. - Phong trào bắt đầu từ các cuộc nổi dậy của nhân dân ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) Trà Bồng (Quảng Ngãi)... rồi lan khắp miền Nam thành phong trào cách mạng rộng lớn, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre tháng 01 – 1960. - Phong trào Đồng khởi thắng lợi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. - Ngày 20 – 12 – 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
-----------------	--	--

b. Giai đoạn 1961-1965

Hoàn cảnh	- Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội: xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và cách mạng từng miền: - Miền Bắc: làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, có vai trò quyết định nhất. - Miền Nam: làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
Miền Bắc	- Tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965). - Nhiệm vụ cơ bản: phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh. Đến năm 1964, miền Bắc đã “tiên những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới”. Miền Bắc là hậu phương lớn, chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Trong những năm 1964 – 1965, số lượng bộ đội bổ sung cho chiến trường miền Nam tăng hơn 2 lần so với 2 năm trước đó.
Miền Nam	- Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965): một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mỹ. Thực chất của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”, tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, sử dụng chiến thuật mới “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”. - Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, đô thị) bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

	Trên mặt trận chính trị: phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng dâng cao, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, đội quân tóc dài, học sinh – sinh viên đẩy chính quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên.	Trên mặt trận chống bình định: ở nông thôn, phong trào chống phá bình định ngày càng phát triển đã từng bước làm phá sản quốc sách “áp chiến lược” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.	Trên mặt trận quân sự: - Quân và dân miền Nam giành thắng lợi ở trận Ấp Bắc (Mỹ Tho, tháng 01 – 1963), bước đầu đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Từ đây, phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dấy lên khắp miền Nam. - Trong những năm 1964 – 1965, quân dân ta giành những thắng lợi ở Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước),... gây cho quân đội Sài Gòn những thiệt hại nặng, có nguy cơ tan rã, làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
--	--	---	---

c. Giai đoạn 1965 -1968

Hoàn cảnh	Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chiến tranh cục bộ là loại hình chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Mỹ, quân đội một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Để thực hiện chiến lược này, quân đội Mỹ mở nhiều cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào căn cứ của quân Giải phóng ở miền Nam.		
Miền Nam	Quân dân miền Nam tiếp tục chiến đấu, giành những thắng lợi trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao. Trên mặt trận chính trị: - Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập - (06 – 6 –1969), là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ. – Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp (4 – 1970), biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.	Trên mặt trận quân sự: - Quân dân miền Nam anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam, tháng 5 – 1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. - Tiếp đó, quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966, 1966 – 1967) của Mỹ. - Đầu năm 1968, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh (tức là thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”).	Trên mặt trận ngoại giao: - Đấu tranh ngoại giao được nâng lên thành một mặt trận từ đầu năm 1967. - Mỹ chấp nhận đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Pa-ri (tháng 5 – 1968) để giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Miền Bắc	- Mỹ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ”, gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá hậu phương miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện sức người, sức của từ miền Bắc vào miền Nam, uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. - Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương cho tiền tuyến miền Nam. - Trong hơn 4 năm chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, quân dân miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3242 máy bay, bắn chìm 143 tàu chiến của địch. Cuối năm 1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.

d. Giai đoạn 1969 - 1973

Hoàn cảnh	Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam (1969 – 1973) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” là hình thức chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy. Mỹ tăng cường lực lượng cho quân đội Sài Gòn thực hiện chính sách bình định nông thôn ở miền Nam; đồng thời, hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971). Năm 1972, Mỹ còn thực hiện thủ đoạn ngoại giao lợi dụng mâu thuẫn Liên Xô – Trung Quốc, thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.		
Miền Nam	Quân dân miền Nam tiếp tục chiến đấu, giành những thắng lợi trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.		
	Trên mặt trận chính trị: - Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đấu tranh phá vỡ nhiều “ấp chiến lược” trong vùng nông thôn. Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, học sinh, sinh viên đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ phát triển mạnh mẽ. - Vùng giải phóng được mở rộng, vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng	Trên mặt trận quân sự: Quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Cam-puchia đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sang Cam-pu-chia (1970). - Phối hợp với quân và dân Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, buộc Mỹ và quân đội Sài Gòn rút khỏi Đường 9 – Nam Lào (1971); từ đó, giữ vững hành lang chi viện từ hậu phương miền Bắc cho các chiến trường của ba nước Đông Dương. - Xuân – hè 1972, quân và dân miền Nam mở cuộc Tiến công chiến lược đánh vào ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mỹ tuyên bố	Trên mặt trận ngoại giao: - Cuộc đàm phán bốn bên ở Pa-ri từ tháng 01 – 1969 đến đầu năm 1973 đã kết thúc thắng lợi. - Ngày 27 – 01 – 1973, <i>Hiệp định Pa-ri</i> về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết, mở ra thời cơ thuận lợi để nhân dân

	miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.	“Mỹ hoá” trở lại (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”).	ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.
Miền Bắc	- Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện miền Nam. Tháng 4 –1972, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Quân dân miền Bắc chủ động, kịp thời đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai. - Cuối năm 1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972) nhằm giành một thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta kí một hiệp định có lợi cho Mỹ. Quân và dân miền Bắc đã đánh trả không quân Mỹ những đòn đích đáng, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ; thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”. Trận “Điện Biên Phủ trên không” là thắng lợi quyết định của ta, buộc Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí <i>Hiệp định Pa-ri</i> về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.		

e. Giai đoạn 1973 -1975

Hoàn cảnh	Với <i>Hiệp định Pa-ri</i> , Mỹ buộc phải rút quân về nước, so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.
Miền Bắc	Miền Bắc đã nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam. Trong 2 năm (1973 – 1974), gần 20 vạn bộ đội cùng hàng vạn tấn vật chất từ miền Bắc được tăng cường cho miền Nam
Miền Nam	- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam, từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam kiên quyết đấu tranh chống bình định lần chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Chiến thắng Phước Long (01 – 1975) cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế. - Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975, 1976 và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. - Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với 3 chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Chiến dịch Hồ Chí Minh. – Đến 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4 – 1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. - Ngày 02 – 5 – 1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

Nguyên nhân thắng lợi	<i>Nguyên nhân chủ quan</i>	- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo, tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. - Nhờ truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường, đoàn kết một lòng của nhân dân trên cả hai miền Nam – Bắc. - Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến ở cả hai miền; quân đội nhân dân Việt Nam trưởng thành và phát huy nghệ thuật quân sự của cha ông trong kháng chiến cứu nước.
	<i>Nguyên nhân khách quan</i>	- Sự phối hợp của nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia. - Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân tiến bộ trên thế giới.
Ý nghĩa lịch sử	<i>Trong nước</i>	- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, thống nhất đất nước. - Mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
	<i>Thế giới</i>	Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

NỘI DUNG 4: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY.

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay.

- Sau tháng 4-1975, Việt Nam bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hậu quả nặng nề sau chiến tranh.
- Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam- Trung Quốc, Việt Nam - Campuchia có dấu hiệu bất ổn.
- Thế giới đang trong xu thế hòa hoãn Đông- Tây, các nước trên thế giới có nhiều thay đổi, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn xảy ra nhiều nơi.

2. Diễn biến chính các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay.

a. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam (1975 - 1979).

** Bối cảnh*

- Sau khi lên nắm quyền ở Campuchia (4-1975) chính quyền Pôn Pốt (Khor-me Đỏ) đã có nhiều hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.

** Diễn biến chính*

Thời gian	Nội dung chính
Từ sau ngày 30-4-1975 đến tháng 4-1977	Quân Pôn Pốt liên tục khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, gây xung đột biên giới
Đêm 30-4-1977	Quân Pôn Pốt tấn công và gây ra các vụ thảm sát ở Ba Chúc (An Giang), Tân Lập (Tây Ninh)...Quân và dân ta đánh đuổi quân xâm lấn, bảo vệ nhân dân, bảo vệ biên giới.
Cuối tháng 12-1978	Khơ-me đỏ huy động 19 sư đoàn tấn công xâm lược toàn bộ tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam. Quân và dân ta mở cuộc phản công tiêu diệt và quét sạch quân xâm lược ra khỏi nước ta.
Đầu năm 1979	Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân dân Campuchia chiến đấu, lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh (07-01-1979)

b. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989)

** Bối cảnh*

- Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trở nên căng thẳng. Sau đó, Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kỹ thuật, gây ra vấn đề người Hoa ở Việt Nam, khiêu khích xâm phạm biên giới...

** Diễn biến chính*

Thời gian	Nội dung chính
Ngày 17-02-1979	Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân) tiến công sang 6 tỉnh biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).
Ngày 05-03-1979	Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối dư luận quốc tế, Trung Quốc tuyên bố rút quân
Từ 1979 -1989	Tình hình tuyến biên giới phía Bắc nước ta vẫn tiếp tục căng thẳng, đặc biệt là ở Vị Xuyên (Hà Giang).

c. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.

** Bối cảnh*

- Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời thực thi có hiệu quả cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông từ sau 1975 đến nay.

** Diễn biến chính*

Lĩnh vực	Nội dung chính
----------	----------------

<i>Luật pháp - Hành chính</i>	- Năm 1977, Việt Nam ra <i>Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền và thềm lục địa Việt Nam</i>. - Năm 1982, Việt Nam thành lập 2 huyện đảo Hoàng Sa (thuộc Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc Khánh Hòa) - Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn <i>Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982</i> - Năm 2012, Thông qua <i>Luật biển Việt Nam</i> - Trong các năm 1979, 1981, 1988, Việt Nam liên tục công bố <i>Sách trắng</i> khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam. - Hiện nay, Việt Nam đang tích cực thúc đẩy việc thực hiện <i>Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)</i>.
<i>Kinh tế - Khoa học - Giáo dục</i>	- Thực hiện các dự án phát triển kinh tế- xã hội; tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây dựng bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo...
<i>Chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển đảo</i>	- Năm 1988, quân đội Trung Quốc tấn công trái phép một số đảo như Cô Lin, Len Dao, Gạc Ma...thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lực lượng quân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. - Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng đặc quyền 200 hải lí của Việt Nam ở Biển Đông. Việt Nam tăng cường lực lượng tại khu vực để đẩy, đuổi. Đồng thời, tích cực đấu tranh ngoại giao, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay

- Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.
- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.
- Khẳng định cuộc đấu tranh của Việt Nam là chính nghĩa, phù hợp với truyền thống anh dũng bất khuất chống ngoại xâm, tuân thủ đúng pháp luật quốc tế, thể hiện ý chí quyết tâm của Việt Nam đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

4. Một số bài học lịch sử của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

- Luôn nêu cao tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của con người Việt Nam.
- Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Vận dụng sáng tạo và phát huy nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự toàn diện, thống nhất trong cả nước.

NỘI DUNG 5: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Giai đoạn khởi đầu của công cuộc đổi mới (1986 – 1995)

- Tháng 12- 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm → Mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Nội dung của công cuộc Đổi mới:

* Về kinh tế:

+ Chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

* Về chính trị:

+ Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

* Về văn hoá – xã hội:

+ Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân.

+ Chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, phong phú và đa dạng.

* Về quốc phòng- an ninh: Chủ trương xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, phát triển kinh tế – xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng.

* Về đối ngoại:

+ Chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Việt Nam chủ trương quan hệ hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kỳ mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006:

* Về kinh tế:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở - vật chất, công nghệ cho nền kinh tế.

- Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

* Về chính trị, văn hóa, xã hội- an ninh- quốc phòng:

- Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

- Nhấn mạnh phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.

- Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo...

- Xây dựng và tăng cường an ninh - quốc phòng.

* Về đối ngoại: Đặt trọng tâm chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực” nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

=> Công cuộc Đổi mới giai đoạn 1986 - 2006 đã tạo nền tảng cho Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giai đoạn tiếp theo.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 đến nay)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.
- Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn từ năm 2006 đến nay:
 - * Về kinh tế:
 - Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
 - Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.
 - Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.
 - * Về chính trị, văn hóa, xã hội- an ninh- quốc phòng:
 - Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.
 - Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
 - Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
 - Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.
 - * Về đối ngoại:
 - Chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”.
 - Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng, văn hoá- xã hội, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Duyệt của BGH